

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BÐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tố

Bà Lê Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phường, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1981(CM)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1990(VM)

Cùng địa chỉ: Xóm 2, thôn AH, xã HS, thị xã HN, tỉnh BÐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Anh D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện HN, tỉnh BÐ, vào ngày 23 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc nguyên nhân là do cuộc sống quá nghèo khổ, kinh tế khó khăn, vì không chịu đựng được nên chị B bỏ đi theo người khác, thi thoảng mới về nhà thăm con. Vợ chồng hiện nay đang sống ly thân,

không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không còn, anh D yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị B

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh năm 2008 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 08/5/2010. Ly hôn, anh D yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu chị B có mặt tại Tòa để làm việc nhưng chị B cố tình trốn tránh, không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị B theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Anh D; Giao 02 con chung cho anh D nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Anh D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Anh D có đơn khởi kiện ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc B, có nơi thường trú tại thôn AH, xã HS, thị xã HN, tỉnh BD. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt tại Tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh D và chị B tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp

pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án yêu cầu chị B có mặt tại Tòa để làm việc nhưng chị cố tình trốn tránh, không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Qua nhiều lần xác minh cho thấy chị B đang sống chung hộ khẩu với cha mẹ là ông Nguyễn Văn T tại xóm 2, thôn AH, xã HS, thị xã HN, tỉnh BD. Hiện nay vợ chồng đang sống ly thân và không ai có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh D yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D.

[4] Về nuôi con chung: Xét nguyện vọng của anh D, sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung vì hiện nay các con đang do anh chăm sóc. Đồng thời, nguyện vọng của hai cháu muốn được sống với anh D. Do vậy, căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu L và H cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo ổn định về mọi mặt cho các cháu. Tại phiên tòa hôm nay, ghi nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN về việc giải quyết vụ án là phù hợp với bản chất thực tế của vụ án và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc B

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thanh L, sinh năm 2008 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 08/5/2010 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự

nguyện của anh D không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu số 0000283 ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

- Về quyền kháng cáo: Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày được niêm yết công khai tại địa phương nơi cư trú.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. HN;
- CC THA dân sự TX. HN;
- Các đương sự;
- UBND xã HS;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Vương